

Số: 04/2025/BC/BTGD-VISC

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Tài chính Việt Nam kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025 như sau:

PHẦN 1: KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024

1. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2024

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 7,09% - đạt vượt chỉ tiêu đã đề ra (6 – 6,5%), trong đó: GDP quý IV/2024 tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước cao hơn 3 quý đầu năm (lần lượt đạt mức 5,98%; 7,25% và 7,43%) và cao hơn các dự báo của các tổ chức quốc tế, là mức cao nhất trong khối Asean và thuộc top 5 tăng trưởng cao nhất thế giới. Quy mô kinh tế Việt Nam ước đạt 476 tỷ USD, xếp hạng 33 thế giới, tăng 1 bậc so với năm 2023.

Về sử dụng GDP năm 2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,57% so với năm 2023; tích lũy tài sản tăng 7,20%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,45%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,10%. Về cơ cấu nền kinh tế năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,64%; khu vực dịch vụ chiếm 42,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,14% (Cơ cấu tương ứng của năm 2024 là 11,86%; 37,58%; 42,30%; 8,26%).

Tính chung trong năm 2024, cả nước hơn 233,4 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 7,1% so với năm trước; bình quân một tháng có gần 19,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 197,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,7% so với năm 2023. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 6.391,0 nghìn tỷ đồng, tăng 9,0% so với năm trước

Năm 2024, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 3.692,1 nghìn tỷ đồng – tăng 7,5% so với năm trước. **Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam** tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,23 tỷ USD, giảm 3,0% so với cùng kỳ năm

trước. *Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam* năm 2024 ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong năm 2024 có 164 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 603,7 triệu USD – gấp hơn 2 lần so với năm trước; có 26 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 61,1 triệu USD – giảm 55,8%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 664,8 triệu USD, tăng 57,7% so với cùng kỳ 2023.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024 ước đạt 786,29 tỷ USD – tăng 15,13% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 405,53 tỷ USD – tăng 14,3% so với cùng kỳ 2023; nhập khẩu đạt 356,43 tỷ USD tăng 16,7% so với năm trước. Tính chung 2024, cán cân thương mại hàng hóa tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 9 liên tiếp với mức thặng dư ước tính đạt 24,77 tỷ USD.

2. Tình hình thị trường chứng khoán năm 2024

Nhìn chung năm 2024 có sự phục hồi tích cực khi thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng gần 12% so với năm 2023. Xu hướng tăng trưởng chính của thị trường chủ yếu tập trung vào Quý I và thị trường đi ngang ở các quý còn lại với biên độ dao động khoảng 100 điểm, trong đó ngưỡng kháng cự ở mức 1.300 điểm với ngưỡng hỗ trợ ở mức 1.200 điểm.

Trong nửa đầu năm 2024, áp lực tăng tỷ giá đô la Mỹ/đồng buộc ngân hàng nhà nước phải phát hành tín phiếu và bán USD để can thiệp. Tuy các biện pháp này giúp ổn định tỷ giá song tạo áp lực tâm lý lên thị trường, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài khiến, thống kê đến giữa tháng 12/2024, tổng giá trị bán ròng đã lên tới hơn 91.000 tỷ đồng – cao nhất trong lịch sử.

Thêm vào đó, trong năm 2024 thị trường chứng khoán Việt Nam ảnh hưởng tiêu cực bởi các tin tức tấn công hệ thống công nghệ thông tin của VNDirect và PVOIL khiến hệ thống giao dịch bị ngắt kết nối với các Sở giao dịch

Mặc dù chịu tác động lớn từ bối cảnh toàn cầu, thị trường chứng khoán vẫn ghi nhận sự phục hồi tích cực ở giai đoạn cuối năm 2024. Cụ thể, kết thúc năm 2024, chỉ số VN-Index đạt 1.266,78 điểm – tăng 12,11% so với cuối năm 2023. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu thị trường niêm yết trên sàn HOSE đạt hơn 5,2 triệu tỷ đồng – tăng 14,3% so với cuối năm 2023. Giá trị giao dịch bình quân đạt 21 nghìn tỷ đồng – tăng 19,9% so với năm trước.

Về thị trường trái phiếu, Kho bạc Nhà nước đã huy động được 330.375,5 tỷ đồng trái phiếu chính phủ, đạt 82,6% kế hoạch năm 2024 được giao. Giá trị giao dịch bình quân đạt 11.767 tỷ đồng/phiên, tăng 80,7% so với bình quân năm trước. Thanh khoản tăng mạnh với giá trị giao dịch bình quân đạt 4.336 tỷ đồng/phiên.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Chỉ tiêu tài chính cơ bản

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2024		%
	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG	86.050.000.000	42.867.821.611	49,82%
II. CHI PHÍ KINH DOANH	32.880.000.000	8.474.194.509	25,77%
III. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	10.934.000.000	11.282.270.651	103,19%
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	42.236.000.000	25.797.128.283	61,08%

(Nguồn: Theo báo cáo tài chính 2024 do Công ty cung cấp)

2. Chỉ tiêu tài chính chi tiết

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % Thực hiện/Kế hoạch
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	31.063.215.872	79.846.000.000	25.034.896.126	31,35%
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG	41.389.079.587	86.050.000.000	42.867.821.611	49,82%
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	16.530.000.000	16.530.000.000	19.665.301.568	118,97%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.720.000.000	12.720.000.000	15.642.739.724	122,98%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	160.491.305	32.500.000.000	203.398.936	0,63%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.038.918.969	10.000.000.000	3.191.333.122	31,91%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng	5.206.400.000	1.000.000.000	0	0,00%
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	431.601.201	500.000.000	395.514.234	79,10%
1.7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	2.273.379.922	800.000.000	54.545.455	6,82%
1.8. Thu nhập hoạt động khác	28.288.190	12.000.000.000	3.714.988.572	30,96%
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	7.549.366.334	32.880.000.000	8.474.194.509	25,77%
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2.610.000.000	2.000.000.000	4.466.000.000	223,30%
2.2. Chi phí DP tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay		22.500.000.000		
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	180.000.000	200.000.000	175.444.443	87,72%
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.946.573.744	6.500.000.000	3.273.521.604	50,36%

2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.210.000	600.000.000	0	0,00%
2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	8.520.455	100.000.000	0	0,00%
2.7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	713.407.384	480.000.000	424.806.702	88,50%
2.8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		500.000.000	26.027.397	5,21%
2.9. Chi phí các dịch vụ khác	89.654.751		108.394.363	
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	7.445.096.536		2.685.771.832	
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	2.597.112.021		982.401.969	
3.2. Doanh thu khác về đầu tư	4.847.984.515		1.703.369.863	
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	10.228.676.024	10.934.000.000	11.282.270.651	103,19%
5.1 Chi phí tiền lương và các khoản theo lương	5.578.502.477	6.000.000.000	5.828.271.100	97,14%
5.2 Chi phí thuê VP, điện nước.	1.325.205.106	1.500.000.000	757.087.482	50,47%
5.3 Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư	892.374.810	1.200.000.000	1.516.245.050	126,35%
5.4 Chi phí thuế, lệ phí	12.823.500	100.000.000	4.150.000	4,15%
5.5 Chi phí Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng, VPP	417.092.269	400.000.000	245.816.297	
5.6 Chi phí CNTT, chữ ký số, đường truyền, hệ thống mạng, Chi phí phần mềm giao dịch	1.044.050.037	784.000.000	1.880.221.759	239,82%
5.7 Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	(50.009.870)		-	
5.8 Chi phí lãi vay các khoản vay /nợ	10.643.836		-	
5.9 Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiếp khách, công tác phí, taxi,)	287.865.863	500.000.000	558.669.894	
5.10 Chi phí thù lao HĐQT và BKS	264.000.000	250.000.000	264.000.000	
5.11 Chi phí khác (phí ck ngân hàng, ..)	446.127.996	200.000.000	227.809.069	
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	31.056.133.765	42.236.000.000	25.797.128.283	61,08%
6.1. Thu nhập khác	17.220.523		17.080.893	
6.2. Chi phí khác	10.138.416		779.313.050	
6.3.Lợi nhuận khác	7.082.107		(762.232.157)	
VII. TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	31.063.215.872	42.236.000.000	25.034.896.126	59,27%

(Nguồn: Theo báo cáo tài chính 2024 do Công ty cung cấp)

III. HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI TRONG NĂM

Năm 2024 tiếp tục tập trung vào xử lý các vấn đề về nội tại công ty, hệ thống nội bộ:

- Tiếp tục hoàn thiện thủ tục cấp phép bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và đăng ký cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Tập trung khai thác khách hàng tổ chức, doanh nghiệp để mở rộng sản phẩm dịch vụ.
- Kiểm soát chi phí hoạt động hiệu quả.
- Xây dựng các chương trình phối hợp với các Hiệp hội hướng tới đáp ứng nhu cầu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025

1. Dự báo nền kinh tế vĩ mô năm 2025

Chính phủ đặt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt 8% trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 được dự báo đang dẫn trở lại quỹ đạo tăng trưởng. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro thách thức như xung đột và căng thẳng địa chính trị, chuỗi cung ứng toàn cầu còn yếu do bất ổn địa chính trị, thiếu hụt nguồn cung, lạm phát đang hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, rủi ro lãi suất tăng và biến động tỷ giá hối đoái. Bên cạnh đó, những chính sách kinh tế mới của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump dự kiến sẽ tác động sâu sắc hơn đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Tại nghị quyết số 01/NQ-CP về Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành ba kịch bản tương ứng với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đặt ra trong năm 2025.

Cụ thể, theo Nghị quyết của Quốc hội, năm 2025, tăng trưởng GDP đạt 6,5-7%, phân đầu đạt 7-7,5%. Trong khi đó, Chính phủ quyết tâm đưa nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 8%, và đạt mức cao hơn, có thể lên tới 2 con số (10%), nếu điều kiện thuận lợi.

Để đạt mức tăng trưởng cao trong năm 2025, Chính phủ cần tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tập trung nhiều hơn cho các động lực tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy tiếp tục cải thiện thể chế và môi trường kinh doanh. Đồng thời tập trung phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; tăng cường hỗ trợ cho các chủ thể sản xuất, kinh doanh và thúc đẩy phát triển thị trường hàng hóa dịch vụ.

Năm 2025 đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát khoảng 4,5%. Để hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2025, Bộ Tài chính sẽ chủ động phối hợp với các bộ, ngành để tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá và thực hiện theo thẩm quyền đồng bộ các giải pháp trong công tác quản lý giá.

2. Dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025

Về triển vọng thị trường trong năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam hứa hẹn sẽ bùng nổ từ việc nâng hạng thị trường chứng khoán từ cận biên lên mới nổi theo chiến lược Phát triển thị trường chứng khoán đã được Thủ tướng phê duyệt, hoàn thiện khung pháp lý tại thông tư 68/2024/TT-BTC trong thanh tra, giám sát thông tin doanh nghiệp đã đáp ứng các tiêu chí về nâng hạng của tổ chức FTSE Russell và thị trường đang có nhiều yếu tố hỗ trợ từ các điều kiện tích cực ở nền kinh tế vĩ mô nhờ sự phục hồi của thương mại và kiểm soát lạm phát hiệu quả; có những lợi thế thuận lợi từ đường lối chính trị, ngoại giao đúng đắn và là điểm đến lý tưởng của dòng vốn FDI.

Mức 1.300 điểm được xem là khả thi trong năm 2025, khi chỉ số P/E dự báo sẽ tăng từ hơn 11 lần lên mức 13,5 lần, tương đương với mức trung bình lịch sử. Lợi nhuận đầu tư từ VN-Index dự báo có thể đạt từ 10 - 18%. Thanh khoản dự kiến tăng trưởng từ 15 - 20%, đạt mức 18 - 20 nghìn tỷ đồng, nhờ vào kỳ vọng nâng hạng thị trường và dòng tiền khối ngoại quay trở lại.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH TỔNG HỢP CÔNG TY 2025

1. Số liệu:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2025
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	79.846.000.000	25.034.896.126	38.111.000.000
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG	86.050.000.000	42.867.821.611	77.300.000.000
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	16.530.000.000	19.665.301.568	20.000.000.000
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.720.000.000	15.642.739.724	12.500.000.000
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	32.500.000.000	203.398.936	27.000.000.000
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	10.000.000.000	3.191.333.122	8.000.000.000
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng	1.000.000.000	0	500.000.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	500.000.000	395.514.234	800.000.000
1.7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	800.000.000	54.545.455	500.000.000
1.8. Thu nhập hoạt động khác	12.000.000.000	3.714.988.572	8.000.000.000
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32.880.000.000	8.474.194.509	28.525.000.000
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2.000.000.000	4.466.000.000	2.000.000.000
2.2. Chi phí DP tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	22.500.000.000		20.250.000.000

2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	200.000.000	175.444.443	200.000.000
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6.500.000.000	3.273.521.604	4.800.000.000
2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	600.000.000	0	300.000.000
2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	100.000.000	0	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	480.000.000	424.806.702	800.000.000
2.8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	500.000.000	26.027.397	175.000.000
2.9. Chi phí các dịch vụ khác		108.394.363	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		2.685.771.832	1.000.000.000
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ		982.401.969	
3.2. Doanh thu khác về đầu tư		1.703.369.863	
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	10.934.000.000	11.282.270.651	11.664.000.000
5.1 Chi phí tiền lương và các khoản theo lương	6.000.000.000	5.828.271.100	6.000.000.000
5.2 Chi phí thuê VP, điện nước.	1.500.000.000	757.087.482	800.000.000
5.3 Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư	1.200.000.000	1.516.245.050	1.500.000.000
5.4 Chi phí thuế, lệ phí	100.000.000	4.150.000	-
5.5 Chi phí Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng, VPP	400.000.000	245.816.297	400.000.000
5.6 Chi phí CNTT, chữ ký số, đường truyền, hệ thống mạng, Chi phí phần mềm giao dịch	784.000.000	1.880.221.759	2.000.000.000
5.7 Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng		-	
5.8 Chi phí lãi vay các khoản vay /nợ		-	
5.9 Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiếp khách, công tác phí, taxi,)	500.000.000	558.669.894	500.000.000
5.10 Chi phí thù lao HĐQT và BKS	250.000.000	264.000.000	264.000.000
5.11 Chi phí khác (phí ck ngân hàng, ..)	200.000.000	227.809.069	200.000.000
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	42.236.000.000	25.797.128.283	38.111.000.000
6.1. Thu nhập khác		17.080.893	
6.2. Chi phí khác		779.313.050	
6.3. Lợi nhuận khác		(762.232.157)	
VII. TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	42.236.000.000	25.034.896.126	38.111.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Đầu tư Tài chính Việt Nam)

2. Định hướng và tổ chức triển khai

a) Định hướng phát triển chung của Công ty



Mở rộng hoạt động kinh doanh môi giới trên cơ sở tuyển dụng nhân sự, xây dựng đội ngũ kinh doanh, xây dựng các sản phẩm phù hợp để tận dụng các cơ hội của thị trường, tối đa hóa hiệu quả hoạt động dịch vụ chứng khoán

Mở rộng hoạt động kinh doanh các dịch vụ ngân hàng đầu tư, trong đó chú trọng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, và hoạt động trái phiếu

b) Định hướng các mảng nghiệp vụ, kinh doanh năm 2025

Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý của công ty để đăng ký các nghiệp vụ kinh doanh cần thiết bao gồm: Bảo lãnh phát hành, Tư vấn, Cho vay ký quỹ, Thành viên Sở giao dịch trái phiếu

– Mảng Dịch vụ chứng khoán (Môi giới)

- + Triển khai dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ phù hợp với thị trường và nhu cầu khách hàng
- + Đẩy mạnh hoạt động của các đơn vị kinh doanh (PGD TVV và Đại lý tại TPHCM) sau khi các nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép
- + Tăng cường quảng cáo hình ảnh công ty, phần mềm mới trên các ấn phẩm chứng khoán (Thời báo kinh tế chứng khoán)
- + Đẩy mạnh tuyển dụng nhân sự kinh doanh/Môi giới sau khi công ty có đủ các nghiệp vụ và nguồn kinh doanh ổn định
- + Xây dựng chính sách, chế độ đội ngũ Môi giới nhằm hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động tuyển dụng

- + Triển khai tư cách thành viên của Sàn giao dịch trái phiếu. Thông qua đó, có thể thực hiện các hoạt động tư vấn, môi giới trái phiếu chính phủ
 - + Kiểm soát, quản trị tốt dư nợ cho vay trong các điều kiện của thị trường
 - + Xây dựng hệ thống báo cáo, bản tin cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống Email, Mobile App
 - + Xây dựng các sản phẩm huy động, tiết kiệm nhằm gia tăng nguồn vốn để đưa vào hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán
 - + Phối hợp với bên thứ 3 phát triển thị trường mảng data dữ liệu để đưa khách hàng về giao dịch tại VISC
 - + Tổ chức các chương trình, roadshow hoặc minishow để giới thiệu SPDV tại doanh nghiệp các tỉnh theo chương trình của các hiệp hội
 - + Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ vốn và giao dịch đối với các deal cụ thể của doanh nghiệp
- **Mảng Tư vấn và Bảo lãnh phát hành**
- + Thúc đẩy hoạt động của Phòng kinh doanh phục vụ hoạt động tư vấn doanh nghiệp bao gồm các mảng nghiệp vụ tư vấn: tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn tái cấu trúc.....(sau khi đăng ký thành công bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành);
 - + Phối hợp với các hiệp hội trong chương trình tiếp cận doanh nghiệp tại các tỉnh để tư vấn về các nghiệp vụ: quản trị công ty, tư vấn IPO, tư vấn niêm yết và các dịch vụ khác liên quan tới doanh nghiệp.
 - + Tiếp tục triển khai nghiệp vụ môi giới M&A doanh nghiệp.
 - + Tiếp tục triển khai thúc đẩy bán các sản phẩm về chứng chỉ quỹ, trái phiếu và các sản phẩm bán chéo khác cùng các công ty con trong tập đoàn;
 - + Thúc đẩy triển khai
- **Hoạt động khác**
- + Tiếp tục cung cấp các dịch vụ: báo cáo tư vấn cho các đơn vị, tập đoàn và tổ chức tín dụng, bảo hiểm
 - + Chủ động tìm kiếm và mở rộng nguồn vốn với bên thứ ba, thực hiện các hình thức huy động tiền gửi hoặc phát hành trái phiếu với giá vốn hấp dẫn để bổ sung vốn cho các hoạt động về kinh doanh nguồn, và thị trường trái phiếu thứ cấp (nếu có),
 - + Thực hiện cung cấp các dịch vụ tư vấn hỗ trợ tập đoàn
 - + Tiếp tục hoàn thiện bộ máy, các phòng ban cần thiết trong công ty.
 - + Triển khai giới thiệu và phát triển hệ thống dữ liệu điện tử với khách hàng và đối tác.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Ban Tổng Giám đốc.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.


TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Quang Trung

